

Ngành : Dầu khí (Báo cáo gần nhất: [Link](#))

| Khuyến nghị | | Tổng Công Ty Khí Việt Nam - CTCP (HSX: GAS) Triển vọng tươi sáng | | | |
|---------------------------|------------|---|------------|-------------------------|-------|
| Giá hiện tại: | 130,000 | Ngày viết báo cáo: | 08/06/2022 | Cơ cấu cổ đông | |
| Giá mục tiêu trước đây | 130,000 | Cổ phiếu lưu hành (Triệu) | 1,914 | PVN | 95.8% |
| Giá mục tiêu mới: | 151,400 | Vốn hóa (tỷ đồng) | 248,622 | SUMITOMO MITSUI FINANCE | 0.13% |
| Tỷ suất cổ tức | 2% | Thanh khoản bình quân 6 tháng: | 825,378 | MIRAE ASSET GLOBAL | 0.11% |
| Tiềm năng tăng giá | 17% | Sở hữu nước ngoài | 3.12% | DAIWA SECURITY GROUP | 0.11% |

Chuyên viên phân tích ngành:

Dương Quang Minh
(Dầu khí, Phân bón)
minhdq@bsc.com.vn

Chuyên viên phân tích kỹ thuật:

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Giá khuyến nghị: 144,000 VND
Giá cắt lỗ: 120,000 VND

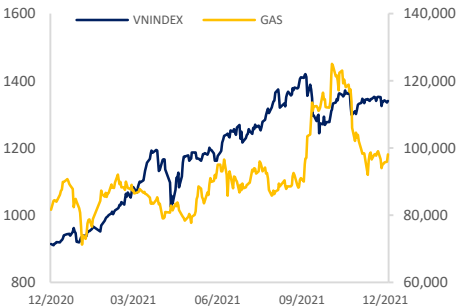
Định giá

- Chúng tôi duy trì khuyến nghị **MUA** với cổ phiếu GAS với giá mục tiêu năm 2022 là **151,400 VND/CP** (+17% so với giá đóng cửa ngày 07/06/2022), tương đương với mức P/E mục tiêu 22x.

Dự báo kết quả kinh doanh

- BSC dự báo DTT và LNST của GAS năm 2022 lần lượt đạt 105,313 tỷ VND (+33% YoY) và 13,438 tỷ VND (+52% YoY), EPS FW = 6,881 VND/CP với giả định (1) Giá dầu trung bình năm 2022 đạt 100 USD/thùng (+37% YoY); (2) Sản lượng tiêu thụ khí khô đạt 8.7 tỷ m³ (+24% YoY), và LPG đạt 2.1 triệu tấn LPG (+5% YoY); và (3) Chưa đưa kho cảng LNG Thị Vải vào dự phóng năm 2022.

Bảng so sánh giá CP và VN- Index



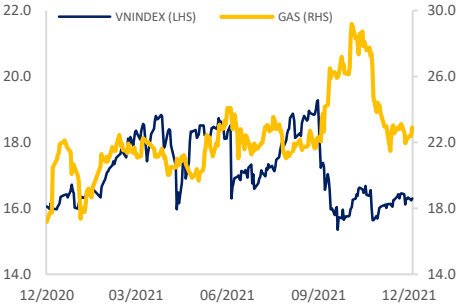
Quan điểm đầu tư

- Giá dầu năm 2022 duy trì ở mức cao giúp cải thiện lợi nhuận của GAS.
- Sản lượng khí được cải thiện nhờ nhu cầu huy động khí tăng trở lại từ các nhà máy điện.
- Mảng LNG là động lực tăng trưởng dài hạn, giúp CP GAS được đánh giá lại.

Rủi ro

- Sản lượng khí khô và giá nhiên liệu thấp hơn ước tính.
- Các dự án mỏ khí trọng điểm bị chậm tiến độ.

Bảng so sánh P/E CP và VN index



Cập nhật doanh nghiệp

- Trong quý 4/2021 doanh thu của GAS ước tính đạt gần 21,185 tỷ VND (+36% YoY) và LNST đạt 1,846 tỷ VND (-12% YoY). Ước tính cả năm 2021, doanh thu của GAS đạt khoảng 80,000 tỷ VND (+25% YoY), và LNST đạt khoảng 8,380 tỷ VND (+5% YoY), hoàn thành 119% kế hoạch.
- Dự án LNG Thị Vải thi công đúng tiến độ, dự kiến hoàn thành vào Q4/2022.

| | 2020 | 2021 | 2022F | VN-Index | | 2019 | 2020 | 2021E | 2022F |
|----------------|------|------|-------|----------|-----------------|--------|--------|---------|--------|
| PE (x) | 18.2 | 21.2 | 18.7 | 12.7 | Doanh thu | 64,135 | 78,992 | 105,313 | 64,135 |
| PB (x) | 3.4 | 3.5 | 4.2 | 2.0 | Lợi nhuận gộp | 11,406 | 13,986 | 20,390 | 11,406 |
| PS (x) | 2.6 | 2.3 | 2.3 | 3.5 | NPATMI | 7,855 | 8,673 | 13,169 | 7,855 |
| ROE (%) | 16.1 | 17.0 | 22.9 | 14.7 | EPS | 4,028 | 4,356 | 6,881 | 4,028 |
| ROA (%) | 12.6 | 11.2 | 16.2 | 6.6 | Tăng trưởng EPS | -34% | 10% | 52% | -34% |
| EV/ EBITDA (x) | 12.9 | 12.8 | 17.2 | N/A | Nợ ròng/ VCSH | 28% | 51% | 41% | 28% |

CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

Bảng 1: Cập nhật KQKD của GAS

| | Q1/2022 | Q1/2021 | % | Cập nhật KQKD Quý 1/2022 |
|---------------------|---------|---------|------|--|
| Doanh thu thuần | 26,689 | 17,570 | 52% | Trong Q1/2022, DTT của GAS đạt 26,689 tỷ VND (+52% YoY), và LNST đạt 3,494 tỷ VND (+70% YoY). |
| Lợi nhuận gộp | 5,136 | 3,269 | 57% | |
| Biên lợi nhuận gộp | 19.2% | 18.6% | | Lũy kế 4 tháng 2022, DTT của GAS đạt 37,500 tỷ VND (+52% YoY) và LNST đạt 4,540 tỷ VND (+61% YoY). GAS cho biết đã cung cấp 2,7 tỷ m3 khí khô; sản xuất và kinh doanh 760 nghìn tấn LPG (537 nghìn tấn thị trường trong nước; 223 nghìn tấn xuất khẩu và kinh doanh quốc tế); sản lượng condensate đạt 41 nghìn tấn. |
| CP bán hàng | 601 | 534 | 13% | |
| CP QLDN | 351 | 353 | -1% | |
| SG&A/Rev | 3.6% | 5.0% | | |
| EBIT | 4,184 | 2,382 | 76% | Năm 2022, GAS đặt kế hoạch doanh thu đạt 80 nghìn tỷ VND (+1.3% YoY), và LNST đạt 7,000 tỷ VND (-20.5% YoY) dựa trên giả định giá dầu Brent là 60 USD/thùng. GAS đặt kế hoạch sản lượng khí khô là 9 tỷ m3 và 2 triệu tấn LPG. Như vậy, kết thúc 4 tháng GAS đã hoàn thành 47% kế hoạch về doanh thu, và gần 65% kế hoạch cả năm về lợi nhuận. |
| DT tài chính | 262 | 263 | -1% | |
| CP tài chính | 102 | 56 | 83% | |
| Thu nhập khác, ròng | 39 | 49 | -20% | Cổ tức tiền mặt cho năm 2021 được thông qua tại ĐHCĐ với tỷ lệ 30%. Năm 2022, công ty đặt kế hoạch chia cổ tức bằng tiền mặt là 25%. |
| LNTT | 4,381 | 2,637 | 66% | |
| LNST | 3,495 | 2,057 | 70% | |
| Sản lượng | | | | |
| Khí khô (mm3) | 1,967 | 1,925 | 2% | |
| LPG (1000T) | 545 | 473 | 15% | |
| Condensate (1000T) | 32 | 16 | 98% | |

Nguồn: GAS, BSC Research

TRIỂN VỌNG DOANH NGHIỆP

Giá dầu duy trì ở mức cao hỗ trợ lợi nhuận của GAS. Kể từ đầu năm 2022, giá dầu tiếp tục đà tăng mạnh và đã duy trì quanh ngưỡng 120 USD/thùng vào giai đoạn đầu tháng 6. Trong báo cáo mới đây ([link](#)), BSC đã đưa ra các nhận định và quan điểm về giá dầu sẽ duy trì ở mức cao và đạt trung bình 100 USD/thùng trong cả năm 2022. BSC đánh giá, triển vọng khả quan của giá dầu sẽ tác động tích cực lên các mảng hoạt động chính của GAS. Theo ban lãnh đạo GAS, với mỗi 5 USD giá dầu thô tăng, thì doanh thu và LNTT của GAS sẽ tăng lần lượt 1,500 tỷ VND và 500 tỷ VND. Với mức giá dầu thô trung bình đạt 100 USD/thùng (+37% YoY), chúng tôi dự báo biên lợi nhuận mảng khí khô sẽ tăng 2 điểm % YoY, và mảng LPG dự kiến tăng 0.8 điểm % YoY.

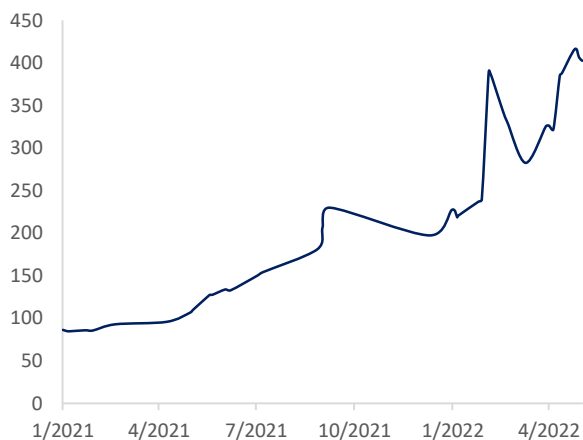
Hình 1: Giá dầu thô thế giới duy trì ở mức trên 100 USD/thùng



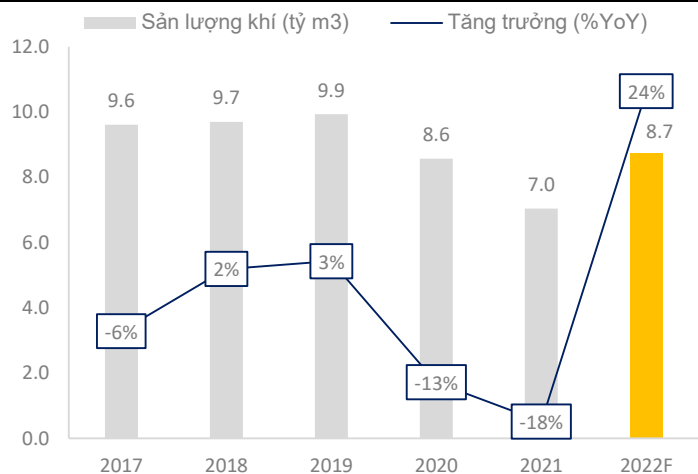
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Sản lượng hồi phục nhờ tăng huy động từ các nhà máy nhiệt điện khí. Theo EVN, nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy nhiệt điện than của EVN chỉ đạt 76,8% kế hoạch trong Q1/22, kéo theo công suất hoạt động thấp hơn dự kiến. Chúng tôi cho rằng các nhà máy nhiệt điện than sẽ đối mặt với tình trạng thiếu hụt nguồn cung trong thời gian tới, do tình trạng giá than đang ở mức cao bởi ảnh hưởng từ căng thẳng Nga – Ukraine. Do đó, khả năng cao điện khí sẽ được huy động để thay thế nhiệt điện than nhờ việc tự chủ nguồn cung trong nước, qua đó gián tiếp mang lại lợi ích cho GAS trong thời gian tới. Vì vậy, **BSC kỳ vọng sản lượng khí khô tiêu thụ của GAS dự kiến đạt 8.7 tỷ m3 (+24% YoY) năm 2022**, nhờ (1) Nhu cầu sử dụng điện công nghiệp phục hồi trở lại sau dịch, và (2) Điện khí được ưu tiên huy động do giá than nguyên liệu đầu vào tăng cao.

Hình 2: Giá than nhiên liệu duy trì ở mức cao gây khó khăn cho các nhà máy nhiệt điện than



Hình 3: Sản lượng khí tiêu thụ của GAS dự kiến tăng 24% YoY



Nguồn: GAS, Bloomberg, BSC Research

Chúng tôi chưa đưa LNG Thị Vải vào dự phóng năm nay. Kho cảng LNG Thị Vải dự kiến sẽ đi vào hoạt động từ quý 4 2022, tuy nhiên GAS chưa có kế hoạch nhập LNG về do các dự án nhà máy điện khí LNG Nhơn Trạch 3 và 4 chưa hoàn thành tiến độ (dự kiến hoạt động kể từ năm 2024). Các dự án nhà máy điện sử dụng khí LNG ở Việt Nam hầu hết vẫn đang trong giai đoạn đầu tư (xem bảng dưới). Do đó, BSC cho rằng các dự án LNG sẽ chỉ đóng góp vào lợi nhuận của GAS kể từ năm 2024 trở đi.

Bảng 2: Một số dự án nhà máy điện khí LNG ở Việt Nam

| Dự án | Công suất | Thời điểm vận hành |
|---|---------------|--------------------|
| Nhà máy điện khí LNG Nhơn Trạch 3&4 | 1,500 MW | 2024 – 2025 |
| Nhà máy Nhiệt điện Sơn Mỹ 1, 2 | 4,000 MW | 2024 – 2027 |
| Trung tâm Điện lực LNG Cà Ná giai đoạn 1 | 1,500 MW | 2025 – 2026 |
| Trung tâm Điện lực LNG Long Sơn giai đoạn 1 | 1200-1500MW | 2025 – 2026 |
| Trung tâm nhiệt điện LNG Bạc Liêu | GĐ1: 800 MW | 2024 – 2025 |
| | GĐ2: 2,400 MW | 2026 – 2027 |
| Nhà máy điện khí LNG Quảng Ninh | 1,500 MW | 2027 – 2028 |
| Dự án điện khí LNG Cái Mép Hạ | 1,600 MW | N/A |
| Dự án điện khí LNG Vân Phong 2 | 3,000 MW | N/A |
| Trung tâm điện khí LNG Long An | 2,800 MW | N/A |
| Nhà máy điện khí LNG Quảng Nam | 4,000 MW | N/A |
| Nhà máy Nhiệt điện LNG Quảng Trị 1, 2 | 3,000 MW | N/A |

Nguồn: Quy hoạch điện VIII, BSC Research

GAS dự kiến góp vốn tỷ lệ 51% vào dự án đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn. Tại ĐHCĐ thường niên năm 2022, ban lãnh đạo công ty chia sẻ công ty đang lên kế hoạch góp vốn vào Dự án Đường ống dẫn khí Lô B Ô Môn (có tổng mức đầu tư quy đổi 28,788 tỷ VND). Dự kiến Chuỗi dự án khí - điện Lô B - Ô Môn sẽ có quyết định đầu tư vào quý 3/2022 và có dòng khí đầu tiên vào khoảng quý 4/2025 (tham khảo [báo cáo ngành dầu khí](#)). Với tư cách là nhà đầu tư chủ chốt (chiếm 51% tổng mức đầu tư), GAS sẽ là đơn vị hưởng lợi chính từ dự án này nhờ vào nguồn khí bổ sung từ Lô B và cước phí vận chuyển khí. BSC đánh giá, mỏ khí Lô B với trữ lượng khí ước tính khoảng 107 tỷ m3 sẽ đảm bảo nguồn cung cấp khí cho phát điện, thay thế cho một số mỏ khí đang ở giai đoạn khai thác cuối cùng của GAS.

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

BSC dự phóng DTT và LNST năm 2022 của GAS lần lượt đạt **105,313 tỷ VND (+33% YoY)** và **13,438 tỷ VND (+52% YoY)**, tương đương EPS FW = **6,881 VND/CP** dựa trên các giả định:

- Giá dầu Brent trung bình năm 2022 đạt 100 USD/thùng (+37% YoY).
- Sản lượng tiêu thụ khí khô đạt 8.7 tỷ m³ (+24% YoY), và LPG đạt 2.1 triệu tấn LPG (+5% YoY)
- Chưa đưa kho cảng LNG Thị Vải vào dự phóng năm 2022

Chúng tôi kì vọng KQKD khả quan của GAS trong năm 2022 nhờ (1) giá dầu thế giới duy trì ở mức cao và (2) sản lượng khí phục hồi do nhu cầu huy động của các khu công nghiệp và các nhà máy điện tăng trở lại sau dịch. Trong trung và dài hạn, chúng tôi tin rằng GAS là điểm sáng khi trở thành nhà cung cấp LNG lớn nhất kể từ năm 2023.

Bảng 3: Dự phóng KQKD của GAS

| Đv: Tỷ VND | 2019 | 2020 | 2021 | 2022F |
|------------------------|---------------|---------------|---------------|----------------|
| Doanh thu thuần | 75,005 | 64,135 | 78,992 | 105,313 |
| Lợi nhuận gộp | 16,919 | 11,406 | 13,986 | 20,390 |
| <i>Biên LN gộp</i> | <i>23%</i> | <i>18%</i> | <i>18%</i> | <i>19%</i> |
| CP bán hàng | -2,394 | -1,943 | -2,133 | -2,815 |
| CP QLDN | -875 | -769 | -1,479 | -1,573 |
| EBIT | 15,266 | 8,682 | 11,509 | 17,183 |
| DT tài chính | 1,665 | 1,451 | 1,187 | 1,330 |
| CP tài chính | -241 | -169 | -403 | -559 |
| Thu nhập khác | -4 | 14 | 32 | 24 |
| LNTT | 15,068 | 9,978 | 11,205 | 16,797 |
| LNST | 12,086 | 7,972 | 8,852 | 13,438 |
| <i>Biên LNST</i> | <i>16%</i> | <i>12%</i> | <i>11%</i> | <i>13%</i> |
| EPS | 6,142 | 4,028 | 4,356 | 6,881 |

Nguồn: GAS, BSC Research

ĐỊNH GIÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ

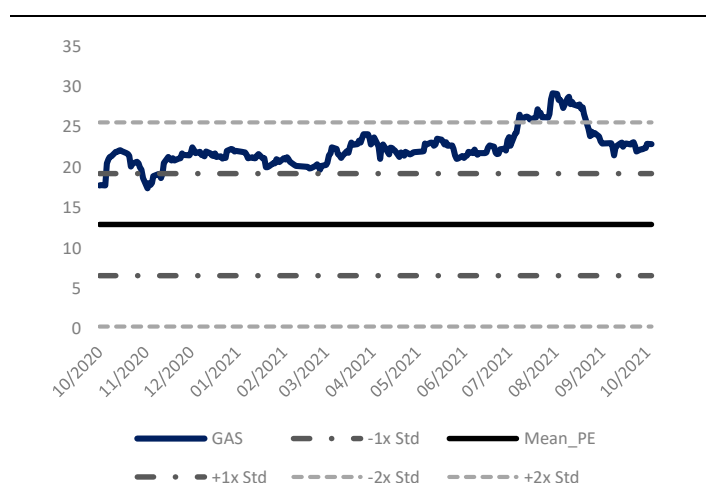
BSC duy trì khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu GAS, và nâng giá mục tiêu năm 2022 lên mức **151,400 VND/CP** (upside 17% so với giá đóng cửa ngày 07/06/2022 là 130,000 VND/CP), tương đương với mức P/E mục tiêu 22x, với kịch bản cơ sở giá dầu trung bình 2022 đạt 100 USD/thùng. Chúng tôi vẫn lạc quan về triển vọng của GAS trong những năm tới nhờ vào vị thế đầu ngành trong việc xử lý, phân phối khí mỏ, xu hướng hồi phục của giá dầu, và triển vọng mảng LNG trong dài hạn. Rủi ro giảm giá đến từ giá dầu thấp hơn dự kiến và sự chậm trễ trong việc phát triển các mỏ khí trọng điểm.

Bảng 4: Kịch bản giá dầu & định giá

| Giá dầu Brent năm 2022 | 90 | 95 | 100 | 105 | 110 |
|------------------------|---------|---------|----------------|---------|---------|
| Giá mục tiêu | 142,400 | 146,900 | 151,400 | 155,900 | 160,400 |
| Upside (%) | 9.6% | 13.1% | 16.5% | 20.0% | 23.5% |

Nguồn: BSC Research

Stock PE

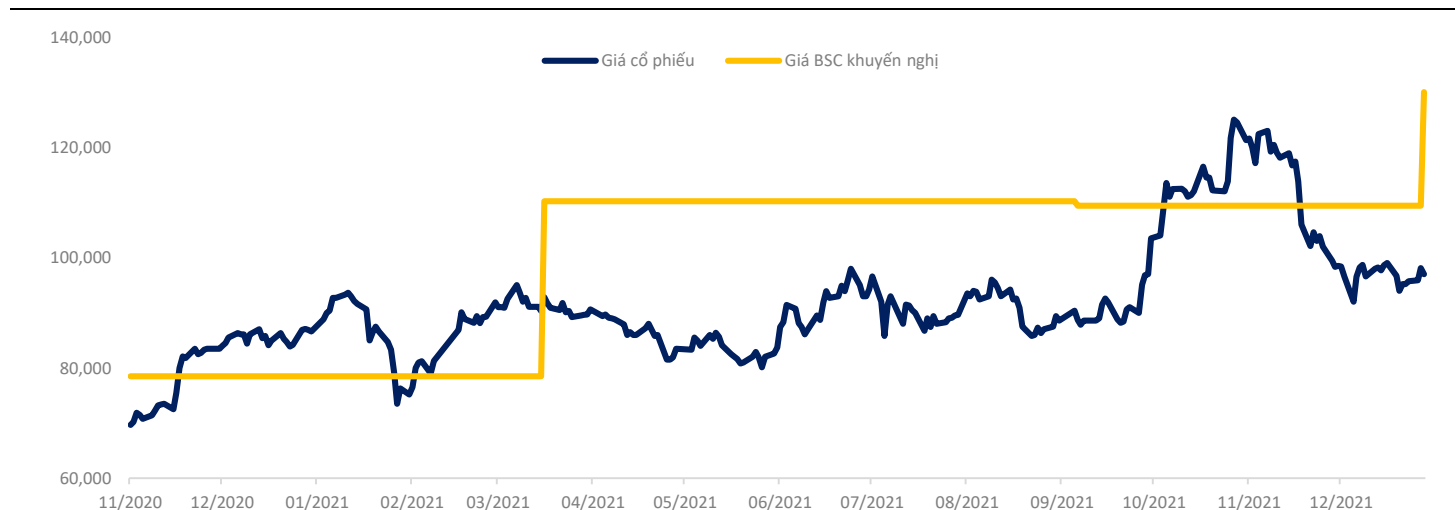


Stock PB



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Biến động giá cổ phiếu so với khuyến nghị



Nguồn: GAS, BSC Research

PHỤ LỤC

| | 2019 | 2020 | 2021E | 2022F | | 2019 | 2020 | 2021E | 2022F |
|-----------------------------|---------------|---------------|---------------|----------------|-----------------------------|----------------|---------------|---------------|---------------|
| Doanh thu thuần | 75,005 | 64,135 | 78,992 | 105,313 | (LỖ)/LNTT | 15,068 | 9,978 | 11,205 | 16,797 |
| Giá vốn hàng bán | -58,087 | -52,729 | -65,007 | -84,924 | Khấu hao | 2,691 | 2,554 | 3,073 | 3,088 |
| Lợi nhuận gộp | 16,919 | 11,406 | 13,986 | 20,390 | Thay đổi VLĐ | -4,511 | -4,939 | -6,489 | -5,503 |
| Chi phí bán hàng | -2,394 | -1,943 | -2,133 | -2,815 | Điều chỉnh khác | -568 | -263 | -194 | 377 |
| Chi phí QLDN | -875 | -769 | -1,479 | -1,573 | LCTT từ HĐ KD | 12,681 | 7,330 | 7,595 | 14,759 |
| Lãi/lỗ HĐKD | 13,649 | 8,694 | 10,374 | 16,002 | Tiền chi mua TSCĐ | -2,690 | -4,174 | -4,747 | -6,319 |
| Doanh thu tài chính | 1,665 | 1,451 | 1,187 | 1,330 | Tiền từ đầu tư khác | -3,504 | 4,246 | -2,189 | -545 |
| Chi phí tài chính | -241 | -169 | -403 | -559 | LCTT từ HĐ Đầu tư | -4,722 | 99 | -6,755 | -6,864 |
| Chi phí lãi vay | -198 | -101 | -304 | -386 | Tiền chi trả cổ tức | -8,230 | -6,850 | -5,865 | -6,699 |
| Lợi nhuận từ CTLD/LK | -1 | -11 | 15 | 0 | Vay ròng | -1,950 | 182 | 5,091 | 919 |
| Lãi/lỗ khác | -4 | 14 | 32 | 24 | Tiền thu khác | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Lợi nhuận trước thuế | 15,068 | 9,978 | 11,205 | 16,797 | LCTT từ HĐ Tài chính | -10,188 | -6,668 | -774 | -5,780 |
| Thuế thu nhập DN | -2,983 | -2,037 | -2,304 | -3,359 | Dòng tiền đầu kỳ | 6,706 | 4,476 | 5,237 | 5,300 |
| LN sau thuế | 12,086 | 7,972 | 8,852 | 13,438 | Tiền trong kì | -2,229 | 761 | 65 | 2,115 |
| CĐTS | 183 | 117 | 179 | 269 | Dòng tiền cuối kỳ | 4,476 | 5,237 | 5,300 | 7,416 |
| LNST - CĐTS | 11,902 | 7,855 | 8,673 | 13,169 | | | | | |
| EBITDA | 12,575 | 9,736 | 11,130 | 14,095 | | | | | |
| EPS | 6,142 | 4,028 | 4,356 | 6,881 | | | | | |

| | 2019 | 2020 | 2021E | 2022F | | 2019 | 2020 | 2021E | 2022F |
|----------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------------------|-------|-------|-------|-------|
| Tiền và tương đương tiền | 4,476 | 5,237 | 5,300 | 6,300 | KN thanh toán | | | | |
| Đầu tư ngắn hạn | 24,915 | 21,613 | 24,800 | 26,211 | Hồ TT ngắn hạn | 3.33 | 2.88 | 1.93 | 2.14 |
| Phải thu ngắn hạn | 10,359 | 10,239 | 16,920 | 17,201 | Hồ TT nhanh | 3.20 | 2.76 | 1.81 | 2.00 |
| Tồn kho | 1,575 | 1,663 | 3,241 | 3,480 | Cơ cấu vốn | | | | |
| TS ngắn hạn khác | 491 | 720 | 1,133 | -1,140 | Hồ Nợ/TTS | 20% | 22% | 34% | 29% |
| TS ngắn hạn | 41,815 | 39,472 | 51,395 | 52,052 | Hồ Nợ/VCSH | 25% | 28% | 51% | 41% |
| TS hữu hình | 48,514 | 54,739 | 56,069 | 57,594 | Năng lực hoạt động | | | | |
| Khấu hao | -33,076 | -35,404 | -38,381 | -41,435 | Số ngày HTK | 11.51 | 11.68 | 14.19 | 14.93 |
| TS dở dang dài hạn | 3,021 | 2,303 | 4,871 | 9,635 | Số ngày phải thu | 22.68 | 29.21 | 37.38 | 35.60 |
| Đầu tư dài hạn | 405 | 379 | 400 | 440 | Số ngày phải trả | 14.48 | 15.86 | 25.50 | 26.85 |
| TS dài hạn khác | 937 | 1,096 | 3,794 | 3,984 | CCC | 19.72 | 25.02 | 26.06 | 23.69 |
| TS dài hạn | 20,363 | 23,736 | 27,373 | 30,873 | Tỉ suất lợi nhuận | | | | |
| Tổng TS | 62,179 | 63,208 | 78,768 | 82,925 | Lợi nhuận gộp | 23% | 18% | 18% | 19% |
| Phải trả ngắn hạn | 1,914 | 2,677 | 6,631 | 5,906 | Lợi nhuận LNST | 16% | 12% | 11% | 13% |
| Vay ngắn hạn | 1,341 | 1,017 | 485 | 2,106 | ROE | 24% | 16% | 17% | 23% |
| Nợ ngắn hạn khác | 6,710 | 6,055 | 9,446 | 9,478 | ROA | 19% | 13% | 11% | 16% |
| Tổng Nợ ngắn hạn | 9,964 | 9,749 | 16,561 | 17,490 | Định Giá | | | | |
| Vay dài hạn | 1,456 | 1,964 | 7,510 | 4,321 | PE | 16.8 | 18.2 | 21.2 | 18.7 |
| Nợ dài hạn khác | 939 | 1,803 | 2,263 | 2,484 | PB | 4.2 | 3.4 | 3.5 | 4.2 |
| Tổng Nợ dài hạn | 2,600 | 3,960 | 10,014 | 6,804 | Tăng trưởng | | | | |
| Tổng Nợ | 12,564 | 13,709 | 26,575 | 24,294 | Tăng trưởng DTT | -1% | -14% | 23% | 33% |
| Vốn góp | 19,140 | 19,140 | 19,140 | 19,140 | Tăng trưởng EBIT | 2% | -34% | 14% | 49% |
| Thặng dư vốn cổ phần | 0 | 0 | 0 | 0 | Tăng trưởng LNTT | 4% | -34% | 12% | 50% |
| LN chưa phân phối | 10,109 | 10,029 | 10,487 | 16,253 | Tăng trưởng EPS | 4% | -34% | 10% | 52% |
| Vốn chủ khác | 19,258 | 19,267 | 21,467 | 21,871 | | | | | |
| Cổ đông thiểu số | 1,108 | 1,064 | 1,098 | 1,367 | | | | | |
| Tổng Vốn chủ sở hữu | 49,615 | 49,500 | 52,193 | 58,631 | | | | | |
| Tổng nguồn vốn | 62,179 | 63,208 | 78,768 | 82,925 | | | | | |
| Số CP lưu hành (triệu) | 1,914 | 1,914 | 1,914 | 1,914 | | | | | |

Nguồn: GAS, BSC Research

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Giá mục tiêu: 144

Giá cắt lỗ: 120

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: MACD ở trên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: đang ở vùng quá mua

Nhận định: GAS đang bước vào xu hướng tăng sau thời gian điều chỉnh. Mức giá đã nằm trên đường MA20, MA50. Đường MA20 đang có xu hướng cắt lên trên đường MA50 đồng thuận cho quá trình tăng giá của cổ phiếu. Thanh khoản hiện vẫn đang duy trì ở mức tốt khi KLGD cao hơn trung bình 20 phiên gần nhất. Chỉ báo kỹ thuật RSI và MACD khả quan khi MACD vẫn đang ở trên đường tín hiệu còn đường RSI đang trong xu hướng tăng và dao động quanh ngưỡng 70.

Khuyến nghị: BSC khuyến nghị các nhà đầu tư trung hạn có thể cân nhắc mở vị thế với cổ phiếu tại ngưỡng 129.0, chốt lãi tại ngưỡng 144.0, cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 120.0.



Nguồn: BSC Research

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10&11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>
<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

